

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 – 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302124121 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2008 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 09 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc đào, máy công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh bất động sản, mua bán, cho thuê nhà ở;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, gia công, định hình inox (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: cán, kéo định hình inox dạng cuộn – dây – ống – U – V (không hoạt động tại trụ sở).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu lăm tỷ đồng).

Tương đương 16.500.000 cổ phần. (Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/CP)

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ có các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	Ấp 11, Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	Số 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư xá Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/03/2009	-
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/03/2009	-
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/03/2009	-
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015	-
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban kiểm soát	06/03/2012	-
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên Ban kiểm soát	20/03/2009	-
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát	20/03/2009	-

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Hùng	Tổng giám đốc công ty	20/03/2009	-
Ông Đỗ Hoà	Phó tổng giám đốc	20/03/2009	-
Bà Lê Thị Hồng Hạnh	Phó tổng giám đốc	30/11/2011	-
Ông Trần Trung Nghĩa	Kế toán trưởng	01/09/2011	-

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 117 đường Võ Văn Bích, ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

7. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc



ĐÔ HÙNG
Tổng Giám đốc

Số: 025/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ*

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được lập ngày 11 tháng 01 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2015-242-1

A handwritten signature in blue ink, which appears to read "H Khoa".

Phạm Thị Anh Khoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1521-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		250.446.467.583	227.395.689.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.559.379.429	5.057.692.389
1. Tiền	111		7.559.379.429	5.057.692.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.672.661.924	47.294.279.347
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30.523.734.167	30.337.190.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	19.107.580.551	14.995.438.838
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.041.347.206	1.961.649.738
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		188.060.446.842	169.635.545.829
1. Hàng tồn kho	141	V.5	188.060.446.842	169.635.545.829
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.153.979.388	5.408.172.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.528.424.355	4.782.617.110
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		611.300.817	611.300.817
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	14.254.216	14.254.216
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.541.831.666	194.351.761.736
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		885.941.297	448.589.297
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	885.941.297	448.589.297
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		177.669.878.069	162.086.667.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	122.586.537.400	108.064.638.277
<i>Nguyên giá</i>	222		194.847.615.094	162.087.853.940
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.261.077.694)	(54.023.215.663)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	11.265.617.194	8.793.276.150
<i>Nguyên giá</i>	225		13.535.381.907	9.559.286.307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.269.764.713)	(766.010.157)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	43.817.723.475	45.228.753.495
<i>Nguyên giá</i>	228		45.808.473.300	45.808.473.300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.990.749.825)	(579.719.805)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	856.243.743	28.205.596.938
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		856.243.743	28.205.596.938
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.129.768.557	3.610.907.579
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	7.129.768.557	3.610.907.579
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		436.988.299.249	421.747.451.443

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		259.199.185.850	256.419.099.153
I. Nợ ngắn hạn	310		220.458.277.277	221.476.433.350
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.917.746.976	1.894.243.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.134.189	990.760.716
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.036.938.402	3.394.710.285
4. Phải trả người lao động	314		871.096.826	1.452.830.488
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	271.013.488	345.950.269
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	12.011.024	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	212.308.336.372	213.397.938.121
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		38.740.908.573	34.942.665.803
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	38.740.908.573	34.942.665.803
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.789.113.398	165.328.352.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	177.789.113.398	165.328.352.290
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	165.000.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.789.113.398	328.352.290
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		328.352.290	(22.008.588.078)
11b. LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.460.761.108	22.336.940.368
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		436.988.299.249	421.747.451.443

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2016


HỒ TRẦN NHƯ THỦY
 Người lập biểu


TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng


ĐỖ HÙNG
 Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	429.129.677.397	362.746.814.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	81.890.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		429.047.787.397	362.746.814.271
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	374.022.809.256	298.320.844.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.024.978.141	64.425.970.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	272.259.920	103.889.832
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.594.420.204	23.015.326.795
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.661.758.519	21.975.126.357
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.452.203.930	4.918.035.754
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.136.179.461	12.613.988.196
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.114.434.467	23.982.509.335
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.114.303.867	5.888.106.666
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.182.892.708	5.481.997.624
13. Lợi nhuận khác	40		2.931.411.160	406.109.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.045.845.626	24.388.618.377
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	3.585.084.518	2.051.678.009
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.460.761.108</u>	<u>22.336.940.368</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>755</u>	<u>2.945</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2016


HỒ TRẦN NHƯ THỦY
 Người lập biểu


TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng


ĐỖ HÙNG
 Tổng Giám Đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		490.159.210.491	519.469.808.167
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(312.508.977.380)	(328.895.590.083)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.309.244.687)	(17.762.952.101)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(19.737.262.274)	(23.204.859.982)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.12	(2.558.339.562)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32.425.816.486	99.266.994.549
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(170.395.772.790)	(263.095.957.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.924.569.717)	(14.222.556.664)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.405.701.546)	(1.656.779.496)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	7.113.913.600	5.516.997.625
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	9.403.684	5.502.492
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.717.615.738	3.865.720.621

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	5.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	713.850.193.566	682.345.400.884
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(708.025.290.156)	(670.597.427.627)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.15	(3.116.262.390)	(1.841.057.391)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.708.641.020	14.906.915.866
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.501.687.041	4.550.079.823
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.057.692.389	507.612.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.559.379.429	5.057.692.389


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2016



HÒ TRẦN NHƯ THỦY
 Người lập biểu



TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng



ĐỖ HÙNG
 Tổng Giám Đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302124121 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2008 và cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 165.000.000.000 đồng (*Một trăm sáu lăm tỷ đồng*).

Tương đương 16.500.000 cổ phần. (Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/CP).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất thép không gỉ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc đào, máy công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh bất động sản, mua bán, cho thuê nhà ở;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, gia công, định hình inox (không hoạt động tại trụ sở);
Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: cán, kéo định hình inox dạng cuộn – dây – ống – U – V (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	Ấp 11, Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	Số 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng theo Thông tư 200 so với quy định trước đây nên các thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư 200.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực từ năm tài chính 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày lại số dư đầu kỳ và bổ sung các thuyết minh thông tin trên báo cáo tài chính đối với một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh 7.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50 năm
- Máy móc, thiết bị	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

12. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.259.828.133	3.429.203.780
Tiền gửi ngân hàng	5.299.551.297	1.628.488.608
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Kỳ Hoà	32.231.620	1.022.082.170
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hồ Chí Minh	3.044.166	2.601.486
- Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Quận 4	8.839.937	1.949.772
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hồ Chí Minh	142.360.099	554.812.567
- Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn - CN Hóc Môn	5.071.508.360	1.509.280
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	3.770.023	10.547.832
- Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn	2.608.342	
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Kỳ Hoà	24.706.840	21.248.785
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hồ Chí Minh	516.120	1.166.669
- Ngân hàng Nông nghiệp và PT Nông thôn - CN Hóc Môn	1.502.140	1.491.501
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	8.463.650	8.234.546
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hồ Chí Minh	-	2.844.000
Cộng	7.559.379.429	5.057.692.389

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30.523.734.167	-	30.337.190.771	-
Công Ty Cổ phần sản xuất thương mại Phước Thắng	13.147.760.579	-	14.096.944.232	-
Công ty TNHH Xây dựng-Sản xuất và Thương mại Phước An	4.676.782.006	-	153.186.440	-
Khách hàng khác	12.699.191.582	-	16.087.060.099	-
Cộng	30.523.734.167	-	30.337.190.771	-

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.107.580.551	14.995.438.838
Công ty Cổ phần Sa Trung Kiên	11.687.599.190	-
Công ty Shandong Mengyin Huarun Imp. & Exp	4.160.554.473	7.384.103.695
Công ty TNHH Ningbo Yaoyi International Trading	2.378.015.060	2.499.956.129
Công ty Ningbo Tierslia Import & Export	-	4.423.769.614
Khách hàng khác	881.411.828	687.609.400
Cộng	19.107.580.551	14.995.438.838

4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.041.347.206	1.961.649.738
Tạm ứng	1.784.452.984	623.964.344
Ký quỹ ngắn hạn	706.336.650	882.119.285
Phải thu khác	550.557.572	455.566.109
b) Dài hạn	885.941.297	448.589.297
Ký quỹ dài hạn	885.941.297	448.589.297
Cộng	3.927.288.503	2.410.239.035

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	13.659.073.362	-	33.681.891.963	-
Công cụ dụng cụ	9.642.563.013	-	8.378.667.686	-
Chi phí SXKD dở dang	4.758.589.239	-	10.170.107.069	-
Thành phẩm	76.523.583.419	-	74.811.410.731	-
Hàng hóa	83.476.637.808	-	42.593.468.380	-
Cộng	188.060.446.841	-	169.635.545.829	-

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của ngân hàng TMCP Á Châu, ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, ngân hàng TMCP Bản Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	1.528.424.355	4.782.617.110
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.430.432.297	4.426.867.225
- Các khoản khác	97.992.058	355.749.885
b) Dài hạn	7.129.768.557	3.610.907.579
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	6.437.345.817	3.046.017.295
- Các khoản khác	692.422.740	564.890.284
Cộng	8.658.192.912	8.393.524.689

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.323.071.722	76.287.210.694	2.566.896.390	910.675.134	162.087.853.940
Tăng trong năm	7.059.647.820	28.154.305.497	72.727.273	88.725.000	35.375.405.590
- Mua trong năm		3.026.456.635	72.727.273	88.725.000	3.187.908.908
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.059.647.820	25.127.848.862	-	-	32.187.496.682
Giảm trong năm	-	2.615.644.436	-	-	2.615.644.436
Số cuối năm	89.382.719.542	101.825.871.755	2.639.623.663	999.400.134	194.847.615.094
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	11.207.645.997	39.999.353.537	2.059.043.305	757.172.824	54.023.215.663
Khấu hao trong năm	9.310.680.245	9.675.991.561	255.292.845	72.087.856	19.314.052.507
Giảm trong năm	-	1.076.190.476	-	-	1.076.190.476
Số cuối năm	20.518.326.242	48.599.154.622	2.314.336.150	829.260.680	72.261.077.694
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	71.115.425.725	36.287.857.157	507.853.085	153.502.310	108.064.638.277
Số cuối năm	68.864.393.300	53.226.717.133	325.287.513	170.139.454	122.586.537.400

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng: 71.014.012.258 VND (Xem thuyết minh V.15).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.306.075.489 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.955.250.853	1.604.035.454	9.559.286.307
Tăng trong năm	3.976.095.600	-	3.976.095.600
Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	11.931.346.453	1.604.035.454	13.535.381.907
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	493.016.478	272.993.679	766.010.157
Tăng trong năm	1.182.947.468	320.807.088	1.503.754.556
Số cuối năm	1.675.963.946	593.800.767	2.269.764.713
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.462.234.375	1.331.041.775	8.793.276.150
Số cuối năm	10.255.382.507	1.010.234.687	11.265.617.194

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán, thiết kế	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	43.112.261.000	2.696.212.300	45.808.473.300
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	43.112.261.000	2.696.212.300	45.808.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	579.719.805	579.719.805
Tăng trong năm	1.047.261.396	363.768.624	1.411.030.020
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.047.261.396	943.488.429	1.990.749.825
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	43.112.261.000	2.116.492.495	45.228.753.495
Số cuối năm	42.064.999.604	1.752.723.871	43.817.723.475

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh: 42.064.999.604 VND. (Xem thuyết minh V.15)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản dở dang dài hạn**

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Lò ủ số 4	-	-	6.813.656.880	6.813.656.880
Lò ủ số 2	-	-	6.566.545.418	6.566.545.418
Máy cán lạnh đảo chiều 04 trục	-	-	6.194.162.683	6.194.162.683
Máy xả băng thô	-	-	4.748.091.500	4.748.091.500
Sửa chữa lò ủ số 3	137.998.080	137.998.080	-	-
Sửa chữa lò ủ số 5	120.857.220	120.857.220	-	-
Mở rộng xưởng A6	361.210.171	361.210.171	-	-
Xây dựng trạm cân	236.178.272	236.178.272	-	-
Các công trình khác	-	-	3.883.140.457	3.883.140.457
Cộng	856.243.743	856.243.743	28.205.596.938	28.205.596.938

11. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	1.917.746.976	1.917.746.976	1.894.243.471	1.894.243.471
Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	332.776.111	332.776.111	455.926.942	455.926.942
Công ty Cổ phần Gas Việt Nhật	276.781.857	276.781.857	213.006.200	213.006.200
DNTN Sản xuất thương mại dịch vụ Thái Phương	241.215.920	241.215.920	389.629.130	389.629.130
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Tân Quốc Hưng	185.680.000	185.680.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	881.293.088	881.293.088	835.681.199	835.681.199
Cộng	1.917.746.976	1.917.746.976	1.894.243.471	1.894.243.471

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục thuế	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.231.230	5.617.195.951	(5.002.026.560)	1.450.400.621
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.537.203.148	(24.537.203.148)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(14.254.216)	193.920.003	(193.920.003)	(14.254.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.558.339.562	3.585.084.518	(2.558.339.562)	3.585.084.518
Thuế thu nhập cá nhân	1.139.493	7.427.185	(7.113.415)	1.453.263
Các loại thuế khác	-	254.993.096	(254.993.096)	-
Cộng	3.380.456.069	34.195.823.901	(32.553.595.784)	5.022.684.186

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)(1) *Thuế xuất nhập khẩu đơn vị nộp thừa.***Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.045.845.626	24.388.618.377
Điều chỉnh cho lợi nhuận kế toán	249.993.096	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	249.993.096	-
(Trừ): Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.295.838.722	24.388.618.377
(Trừ): Chuyển lỗ của các năm trước	-	(15.062.809.245)
Tổng thu nhập tính thuế	16.295.838.722	9.325.809.131
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Cộng Chi phí Thuế TNDN hiện hành	3.585.084.518	2.051.678.009

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	271.013.488	345.950.269
Chi phí lãi vay	271.013.488	345.950.269
Cộng	271.013.488	345.950.269

14. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	12.011.024	-
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	12.011.024	-
Cộng	12.011.024	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	212.308.336.372	212.308.336.372	705.476.488.407	(706.566.090.156)	213.397.938.121	213.397.938.121
Vay Ngân hàng ACB ⁽¹⁾	11.560.000.000	11.560.000.000	264.993.257.245	(261.855.257.245)	8.422.000.000	8.422.000.000
Vay Ngân hàng Vietcombank ⁽²⁾	109.997.864.672	109.997.864.672	227.583.759.462	(227.568.832.911)	109.982.938.121	109.982.938.121
Vay Ngân hàng Bản Việt ⁽³⁾	3.300.000.000	3.300.000.000	36.629.000.000	(43.322.000.000)	9.993.000.000	9.993.000.000
Vay Ngân hàng NN & PTNT ⁽⁴⁾	83.950.000.000	83.950.000.000	172.770.000.000	(173.820.000.000)	85.000.000.000	85.000.000.000
Vay Ngân hàng Công thương ⁽⁵⁾	3.500.471.700	3.500.471.700	3.500.471.700	-	-	-
b) Vay dài hạn	32.416.040.000	32.416.040.000	4.000.000.000	(1.459.200.000)	29.875.240.000	29.875.240.000
Vay Ngân hàng Eximbank ⁽⁶⁾	5.836.800.000	5.836.800.000	-	(1.459.200.000)	7.296.000.000	7.296.000.000
Vay Ngân hàng NN & PTNT ⁽⁷⁾	26.579.240.000	26.579.240.000	4.000.000.000	-	22.579.240.000	22.579.240.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (1) Khoản vay tại ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.DN346,101214 ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức là 2.000.000,00 USD và 39.000.000.000 đồng, lãi suất theo thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một số bất động sản được bảo lãnh từ bên thứ 3.
- (2) Khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0280/KH/12NH, đính kèm Hợp đồng tín dụng số 0208/KH/12NH ngày 18/04/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 04/HĐSĐBS.NHNT-KV/2014 ngày 10 tháng 12 năm 2014 với hạn mức là 120.000.000.000 VND, lãi suất theo thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng một số bất động sản.
- (3) Khoản vay tại ngân hàng TMCP Bản Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng số 149/00314/01.HĐCHM ngày 26 tháng 11 năm 2014 với hạn mức là 45.000.000.000 đồng, lãi suất theo thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một số bất động sản được bảo lãnh từ bên thứ 3.
- (4) Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Hóc Môn theo hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201402602 ngày 24 tháng 06 năm 2014 với hạn mức 85.000.000.000, lãi suất theo thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, máy móc thiết bị và nhà xưởng.
- (5) Khoản vay tại ngân hàng Công thương Việt Nam- CN Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng cấp tín dụng số 029/2015- HĐTDHM/NHCT948-KIMVI ngày 14 tháng 12 năm 2015 với hạn mức 100.000.000.000 đồng, lãi suất theo thời điểm.
- (6) Khoản vay tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201401217 ngày 04 tháng 11 năm 2014 với số tiền vay 7.296.000.000 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị.
- (7) Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hóc Môn theo các hợp đồng tín dụng với số tiền 44.300.000.000 đồng, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị và bất động sản.

Các khoản nợ thuê tài chính

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê TCNH Sài Gòn Thương Tín	468.052.400	643.572.800
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.888.964.013	3.256.195.221
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	3.967.852.160	1.167.657.782
Cộng	6.324.868.573	5.067.425.803

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	64.887.739.000	(22.008.588.078)	42.879.150.922
Tăng vốn trong năm trước (*)	100.112.261.000	-	100.112.261.000
Lãi năm trước	-	22.336.940.368	22.336.940.368
Số dư cuối năm trước	<u>165.000.000.000</u>	<u>328.352.290</u>	<u>165.328.352.290</u>
Số dư đầu năm nay	165.000.000.000	328.352.290	165.328.352.290
Lãi năm nay	-	12.460.761.108	12.460.761.108
Số dư cuối năm nay	<u>165.000.000.000</u>	<u>12.789.113.398</u>	<u>177.789.113.398</u>

(*) Vốn tăng trong năm trước: Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm trước là vốn góp của cổ đông hiện hữu; góp vốn bằng tài sản là 95.112.261.000 đồng; góp vốn bằng tiền là 5.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Theo Giấy phép kinh doanh		Vốn góp thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vốn góp của đối tượng khác	165.000.000.000	100%	165.000.000.000
Cộng	<u>165.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>165.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	165.000.000.000	64.887.739.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	165.000.000.000	165.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.129.677.397	362.746.814.271
- Doanh thu bán hàng	426.098.821.129	352.535.971.129
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.030.856.268	2.210.843.143
- Doanh thu bất động sản	-	8.000.000.000
Trừ : các khoản giảm trừ doanh thu	81.890.000	-
Hàng bán bị trả lại	81.890.000	-
Doanh thu thuần	429.047.787.397	362.746.814.271

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm	372.663.856.604	296.252.333.707
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.358.952.652	1.068.510.316
Giá vốn hoạt động nhượng bán bất động sản	-	1.000.000.000
Cộng	374.022.809.256	298.320.844.023

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.403.684	6.141.692
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	262.856.236	97.748.139
Cộng	272.259.920	103.889.832

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.151.666.208	21.975.126.357
Chi phí lãi nợ thuê tài chính	510.092.311	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	884.034.361	1.040.200.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	48.627.324	-
Cộng	20.594.420.204	23.015.326.795

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.704.804.438	1.664.118.138
Chi phí công cụ dụng cụ	432.166.988	51.844.912
Chi phí khấu hao	614.310.564	373.321.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.501.033.463	2.320.117.065
Chi phí bằng tiền khác	199.888.477	508.633.781
Cộng	5.452.203.930	4.918.035.754

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.892.335.009	6.303.846.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	526.129.283	422.567.308
Chi phí khấu hao	5.843.401.150	3.128.650.952
Thuế, phí và lệ phí	70.343.000	92.475.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.143.824.589	1.806.214.255
Chi phí bằng tiền khác	660.146.430	860.232.967
Cộng	16.136.179.461	12.613.988.196

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.331.131.120	5.516.997.625
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	4.782.782.480	-
Thu nhập khác	390.267	371.109.041
Cộng	7.114.303.867	5.888.106.666

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	2.393.405.316	-
Giá trị còn lại từ thanh lý tài sản cố định	1.539.453.960	5.481.997.624
Chi phí khác	250.033.432	-
Cộng	4.182.892.708	5.481.997.624

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.979.073.670	266.552.491.931
Chi phí nhân công	20.493.370.343	20.068.693.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.263.168.249	15.522.143.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.227.059.959	18.093.836.386
Chi phí khác bằng tiền	5.112.156.038	7.004.894.126
Cộng	320.074.828.258	327.242.059.423

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.460.761.108	22.336.940.368
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.460.761.108	22.336.940.368
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.500.000	7.583.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	755	2.945

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	16.500.000	6.488.773
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	10.011.227
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>16.500.000</u>	<u>7.583.644</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	572.028.264	548.798.516
Phụ cấp	610.800.000	601.200.000
Cộng	<u>1.182.828.264</u>	<u>1.149.998.516</u>

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay				
Chi tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	935.909	20.490.116.538	408.638.624.950	429.129.677.397
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	81.890.000	81.890.000
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	935.909	20.490.116.538	408.556.734.950	429.047.787.397
Chi phí sản xuất kinh doanh theo bộ phận	815.880	17.862.278.223	356.159.715.153	374.022.809.256
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	120.029	2.627.838.315	52.397.019.797	55.024.978.141
Doanh thu hoạt động tài chính	596	13.059.223	260.390.585	273.450.405
Chi phí tài chính	44.927	983.588.485	19.611.977.276	20.595.610.688
Chi phí bán hàng	11.893	260.381.937	5.191.810.100	5.452.203.930
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.199	770.618.582	15.365.525.680	16.136.179.461
Thu nhập khác	15.519	339.759.159	6.774.529.189	7.114.303.867
Chi phí khác	9.124	199.763.200	3.983.120.383	4.182.892.708
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.820	171.213.561	3.413.863.137	3.585.084.518
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.181	595.090.931	11.865.642.996	12.460.761.108

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước				
Chi tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.720.647.748	19.998.793.052	339.027.373.471	362.746.814.271
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.720.647.748	19.998.793.052	339.027.373.471	362.746.814.271
Chi phí sản xuất kinh doanh theo bộ phận	3.078.639.209	16.547.943.421	278.694.261.393	298.320.844.023
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	642.008.539	3.450.849.632	60.333.112.078	64.425.970.248
Doanh thu hoạt động tài chính	1.065.585	5.727.607	97.096.640	103.889.832
Chi phí tài chính	232.913.061	1.251.927.195	21.530.486.539	23.015.326.795
Chi phí bán hàng	50.341.096	270.587.604	4.597.107.054	4.918.035.754
Chi phí quản lý doanh nghiệp	116.010.382	623.565.512	11.874.412.302	12.613.988.196
Thu nhập khác	60.393.558	324.620.430	5.503.092.678	5.888.106.666
Chi phí khác	56.228.150	302.231.010	5.123.538.465	5.481.997.624
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.565.090	110.539.082	1.920.573.837	2.051.678.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	227.409.904	1.222.347.266	20.887.183.199	22.336.940.368

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.559.379.429	5.057.692.388	7.559.379.429	5.057.692.388
Phải thu khách hàng	30.523.734.167	30.337.190.771	30.523.734.167	30.337.190.771
Ký quỹ ngắn hạn	706.336.650	882.119.285	706.336.650	882.119.285
Ký quỹ dài hạn	885.941.297	448.589.297	885.941.297	448.589.297
Cộng	39.675.391.543	36.725.591.741	39.675.391.543	36.725.591.741
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.917.746.976	1.894.243.471	1.917.746.976	1.894.243.471
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.036.938.402	3.394.710.285	5.036.938.402	3.394.710.285
Phải trả người lao động	871.096.826	1.452.830.488	871.096.826	1.452.830.488
Phải trả ngắn hạn khác	12.011.024	-	12.011.024	-
Vay và nợ	251.049.244.945	248.340.603.924	251.049.244.945	248.340.603.924
Cộng	258.887.038.173	255.082.388.168	258.887.038.173	255.082.388.168

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.559.379.429	-	7.559.379.429
Phải thu khách hàng	30.523.734.167	-	30.523.734.167
Ký quỹ ngắn hạn	706.336.650	-	706.336.650
Ký quỹ dài hạn	885.941.297	-	885.941.297
Cộng	39.675.391.543	-	39.675.391.543
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.057.692.388	-	5.057.692.388
Phải thu khách hàng	30.337.190.771	-	30.337.190.771
Ký quỹ ngắn hạn	882.119.285	-	882.119.285
Ký quỹ dài hạn	448.589.297	-	448.589.297
Cộng	36.725.591.741	-	36.725.591.741

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	1.917.746.976	-	1.917.746.976
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.036.938.402	-	5.036.938.402
Phải trả người lao động	871.096.826	-	871.096.826
Phải trả ngắn hạn khác	12.011.024	-	12.011.024
Vay và nợ	212.308.336.372	38.740.908.573	251.049.244.945
Cộng	220.146.129.600	38.740.908.573	258.887.038.173
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	1.894.243.471	-	1.894.243.471
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.394.710.285	-	3.394.710.285
Phải trả người lao động	1.452.830.488	-	1.452.830.488
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-
Vay và nợ	213.397.938.121	34.942.665.803	248.340.603.924
Cộng	220.139.722.365	34.942.665.803	255.082.388.168

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Địa chỉ: Số 117 Võ Văn Bích, Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thay đổi chính sách kế toán

Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 ảnh hưởng đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm		Chênh lệch
		trước	Số liệu điều chỉnh lại	
Phải thu ngắn hạn khác	136	455.566.109	1.961.649.737	(1.506.083.628)
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.506.083.628	-	1.506.083.628
Phải thu dài hạn khác	216	-	448.589.297	(448.589.297)
Tài sản dài hạn khác	268	448.589.297	-	448.589.297

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2016

Hồ Trần Như Thủy
Người lập biểu

Trần Trung Nghĩa
Kế toán trưởng



Đỗ Hùng
Tổng Giám đốc

